

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

Bậc đào tạo: Cao Đẳng chuyên nghiệp

HỌC PHẦN: VẬT LIỆU LẠNH

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2015 - 2016

Lớp: 14CD-NL

Ngày thi: ____/____/____

Thời gian thi: 60 phút

(Học sinh không được sử dụng tài liệu, không được ghi vào đề, nộp lại đề)

*** Nội dung đề: 006**

01. Yêu cầu của vật liệu cách nhiệt:

- A. Không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.
- B. Hệ số dẫn nhiệt lớn, không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.
- C. Hệ số dẫn nhiệt nhỏ, không hút nước, độ trở thấm cao, khối lượng riêng nhỏ, không cháy, tuổi thọ cao.

02. Sự hoà tan dầu trong môi chất sẽ gây ảnh hưởng:

- A. Tăng năng suất lạnh.
- B. Sự trao đổi nhiệt trong thiết bị.
- C. Tăng khả năng khởi động của máy nén.
- D. Tăng hiệu suất làm việc của máy

03. Cấu trúc cách nhiệt tường theo thứ tự từ ngoài vào.

- A. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
- B. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo.
- C. Vữa trát, lưới mắt cáo, bitum chống ẩm, lớp cách nhiệt styrofor
- D. Vữa trát, tường gạch, chống ẩm bitum, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, giấy dầu, vữa trát.

04. Có mấy phương pháp sản xuất gạch chịu lửa cách nhiệt:

- A. 2
- B. 5
- C. 3
- D. 4

05. Chọn câu sai; để loại ẩm ra khỏi hệ thống lạnh dùng biện pháp sau :

- A. Dùng phin sấy lọc trên đường gas đi.
- B. Kiểm tra nhiệt độ đông đặc, lưu động của dầu trong HTL .
- C. Sấy khô máy và thiết bị trước khi lắp .
- D. Nạp gas và dầu không nhiễm ẩm.

06. Các biện pháp khắc phục sự sủi bọt của dầu bôi trơn:

- A. Thêm các chất phụ gia chống sự sủi bọt.
- B. Thêm dầu.
- C. Thay dầu khác.

07. Chọn câu sai, trong hệ thống lạnh sử dụng môi chất Freon, dầu bôi trơn:

- A. Hòa tan rất ít vào môi chất.
- B. Hòa tan hoàn toàn vào môi chất.
- C. Không hòa tan vào môi chất.

08. Đồng và hợp kim của nó thích hợp với HTL:

- A. Không thích hợp các loại môi chất.
- B. Sử dụng môi chất NH_3 .
- C. Sử dụng môi chất Freon.
- D. Thích hợp với các loại môi chất.

09. Công tắc áp lực dầu tác động là do.

- A. Hiệu áp suất dầu bơm dầu và áp suất catte quá thấp.

- B. Áp suất catte tăng quá cao.
C. Áp suất dầu bơm dầu giảm .
- 10. Cấu trúc cách nhiệt trần theo thứ tự từ trên xuống:**
A. Bê tông cốt thép, lớp cách nhiệt styrofor, lớp giấy dầu, bitum chống ẩm, lưới mắt cáo, vữa trát.
B. Bê tông cốt thép, lớp giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, bitum chống ẩm, lưới mắt cáo, vữa trát.
C. Bê tông cốt thép, bitum chống ẩm, giấy dầu, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
D. Bê tông cốt thép, lớp giấy dầu, bitum chống ẩm, lớp cách nhiệt styrofor, lưới mắt cáo, vữa trát.
- 11. Dầu bôi trơn:**
A. Có khả năng tác dụng với môi chất lạnh. B. Làm giảm năng suất lạnh.
C. Có khả năng dẫn điện. D. Không tạo lớp trở nhiệt.
- 12. Tính chất nào quyết định chất lượng dầu bôi trơn:**
A. Màu sắc, hình dạng. B. Nhiệt độ đông đặc và nhiệt độ lưu động.
C. Độ nhớt. D. Sự sủi bọt.
- 13. Cánh nhôm mỏng có trên thiết bị bay hơi làm lạnh không khí là.**
A. Làm tăng cường sự trao đổi nhiệt. B. Làm cho thiết bị bay hơi cứng hơn.
C. Cản trở bớt sự lưu thông không khí qua dàn . D. Để tăng thẩm mỹ cho thiết bị.
- 14. Ứng dụng của vật liệu chịu lửa-nhiệt :**
A. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ và tải trọng làm việc không lớn
B. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ và tải trọng làm việc lớn
C. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ làm việc nhỏ và tải trọng làm việc lớn
D. Tăng cường cách nhiệt; sử dụng khi nhiệt độ làm việc lớn và tải trọng làm việc nhỏ
- 15. Vật liệu hút ẩm:**
A. Hình dáng không cố định, có khả năng tái sinh dễ dàng.
B. Không tác dụng với dầu bôi trơn, không làm chất xúc tác cho các phản ứng.
C. Tác dụng với dầu bôi trơn, làm chất xúc tác cho các phản ứng.
- 16. Tính chất nào quan trọng nhất quyết định chất lượng dầu bôi trơn:**
A. Độ nhớt. B. Nhiệt độ đông đặc và nhiệt độ lưu động.
C. Nhiệt độ bốc cháy. D. Sự sủi bọt.
- 17. Bình tập trung dầu thường được sử dụng trong**
A. Hệ thống nửa kín. B. Hệ thống kín.
C. Hệ thống dùng môi chất NH_3 . D. Hệ thống dùng môi chất Freon.
- 18. Cách nhiệt chỉ cần đảm bảo :**
A. Tránh cầu nhiệt. B. Tránh ngưng ẩm , đọng sương
C. Bền, chắc, đẹp, không đọng sương, tránh cầu nhiệt. D. Bền và chắc, đẹp .
- 19. Hệ số dẫn nhiệt của vật liệu cách nhiệt phụ thuộc vào :**
A. Độ xốp của vật liệu, cấu trúc bọt xốp, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.
B. Độ xốp của vật liệu, cấu trúc bọt xốp, khối lượng riêng
C. Khối lượng riêng, Độ xốp của vật liệu, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.
D. Độ xốp của vật liệu, khối lượng riêng, chất khí và áp suất của nó chứa trong vật liệu.
- 20. Phát biểu nào sau đây là sai .**
A. Nhiệt độ bay hơi rất thấp thì sử dụng dầu tổng hợp có chất lượng cao
B. Dầu có độ nhớt thấp dùng cho nhiệt độ ngưng tụ thấp.

- C. Dầu có độ nhớt cao dùng cho nhiệt độ ngưng tụ cao và thể nhiệt máy nén lớn .
D. Nhiệt độ bay hơi cao thì sử dụng dầu tổng hợp có chất lượng cao
21. **Nguyên nhân có khí không ngưng trong vòng tuần hoàn môi chất lạnh:**
A. Do có không khí và ẩm. B. Do dầu bôi trơn tác dụng với môi chất lạnh.
C. Do môi chất lạnh sử dụng không đúng. D. Do dầu bôi trơn không phù hợp.
22. **Vật liệu phi kim loại dùng trong hệ thống lạnh để:**
A. Cách điện, cách nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu.
B. Dẫn điện, dẫn nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu.
C. Dẫn điện, cách nhiệt, làm kính quan sát dầu.
D. Cách điện, dẫn nhiệt, làm đệm kín, làm kính quan sát dầu
23. **Môi chất lạnh freon?**
A. Hoà tan dầu, không hoà tan nước. B. Không hoà tan dầu và nước. C. Hoà tan nước, không hoà tan dầu.
24. **Dầu lạnh trong máy nén kín, nửa kín :**
A. Không được dẫn điện.
B. Cho phép dẫn điện ở pha hơi , không dẫn điện ở pha lỏng .
C. Cho phép dẫn điện ở cả pha hơi và pha lỏng .
25. **Trong hệ thống lạnh sử dụng môi chất NH_3 , dầu bôi trơn:**
A. Không hòa tan vào môi chất. B. Hoà tan rất ít vào môi chất.
C. Hoà tan hoàn toàn vào môi chất.
26. **Môi trường chân không là :**
A. Môi trường không có tính cách nhiệt. B. Môi trường cách nhiệt lý tưởng.
C. Không dùng môi trường chân không cho cách nhiệt.
27. **Cấu trúc cách nhiệt nền từ dưới lên trên.**
A. Bê tông, gạch vỡ, bitum và giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
B. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
C. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, gạch vỡ, bê tông xỉ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
D. Bê tông, bitum, giấy dầu cách ẩm, bê tông xỉ, gạch vỡ, lớp cách nhiệt styrofor, lớp tráng xi măng.
28. **Vật liệu cách nhiệt lạnh thường dùng trong hệ thống lạnh là :**
A. Polyurethan, bông thủy tinh và nhựa tổng hợp
B. Bông thủy tinh và amiang, Polyurethan
C. Bông thủy tinh, amiang và Poly-etylen D. Amiang, polyurethan và sứ
29. **Có thể sử dụng hỗn hợp dầu khoáng và dầu tổng hợp?**
A. Không thể. B. Có thể sử dụng nếu được thử nghiệm trước . C. Sử dụng được.
30. **Dầu bôi trơn có các tính chất:**
A. Cách điện, tạo lớp trở nhiệt, phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
B. Cách điện, tạo lớp trở nhiệt, không phân huỷ ở nhiệt độ vận hành
C. Dẫn điện, tạo lớp trở nhiệt, không phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
D. Dẫn điện, tạo lớp trở nhiệt, phân huỷ ở nhiệt độ vận hành.
31. **Vật liệu cách nhiệt hữu cơ có nhiệt độ làm việc:**

- A. Cao hay thấp tùy thuộc vào khối lượng riêng của vật liệu B. Thấp
C. Cao
32. **Dầu bôi trơn có tính chất:**
A. Nhiệt độ bốc cháy thấp. B. Nhiệt độ đông đặc cao.
C. Không dẫn điện. D. Nhiệt độ lưu động cao.
33. **Có mấy nguyên tắc hút ẩm:**
A. 2 B. 3 C. 4 D. 5
34. **Khí không ngưng trong hệ thống lạnh nén hơi sẽ ...**
A. Tăng áp suất ngưng tụ, giảm nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
B. Tăng áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
C. Giảm áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, tăng tuổi thọ của máy.
D. Tăng áp suất ngưng tụ, tăng nhiệt độ cuối tầm nén, giảm tuổi thọ của máy.
35. **Dầu bôi trơn:**
A. Không có khả năng dẫn điện hoặc dẫn điện kém.
B. Nhiệt độ lưu động phải cao hơn nhiệt độ bay hơi.
C. Làm giảm nhiệt độ bay hơi, tạo lớp trở nhiệt trên bề mặt thiết bị trao đổi nhiệt.
36. **Vật liệu kim loại chế tạo máy:**
A. Không tác dụng với môi chất, không phản ứng với dầu bôi trơn.
B. Tác dụng với môi chất, phản ứng với dầu bôi trơn.
C. Phản ứng với ẩm và các chất sinh ra trong quá trình vận hành.
D. Dẫn điện, dẫn nhiệt, làm đậm kín, làm kính quan sát dầu.
37. **Vật liệu cách nhiệt hữu cơ là:**
A. Tấm côi, amiăng; tấm cách nhiệt than bùn
B. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ sợi gỗ; tấm cách nhiệt than bùn
C. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ dăm bào, vỏ bào, sợi gỗ; tấm cách nhiệt than bùn
D. Tấm côi, tấm cách nhiệt từ sợi gỗ; amiăng
38. **Tấm côi là vật liệu cách nhiệt có đặc điểm:**
A. Cách nhiệt các ống dẫn, tường ngăn tốt B. Khó hút ẩm; độ bền cơ cao
C. Dễ cháy; dễ hư hỏng; dễ mục nát khi ẩm ướt D. Khó cháy; độ bền cơ cao
39. **Hệ số dẫn nhiệt của vật liệu cách nhiệt phụ thuộc:**
A. Khối lượng riêng, hệ số điện môi, áp suất. B. Khối lượng riêng, áp suất, hệ số giãn nở
C. Khối lượng riêng, nhiệt độ, áp suất. D. Khối lượng riêng, nhiệt độ, hệ số điện môi
40. **Vật liệu cách nhiệt vô cơ là:**
A. Tấm côi, amiăng; tấm cách nhiệt than bùn
B. Bông thủy tinh, tấm cách nhiệt than bùn; amiăng
C. Amiăng; bông thủy tinh D. Tấm côi, amiăng; bông thủy tinh

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN SOẠN ĐỀ